

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐÀ NẴNG**

Số: 299 /DRC-TK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 04 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
- Mã chứng khoán: DRC
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236 3771405
- Fax: 0236 3771400
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Quỳnh Nga
Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty gửi đến quý cổ đông tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/04/2018 tại đường dẫn : <http://drc.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu họp ĐHĐCĐ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)


Phạm Thị Quỳnh Nga

DU THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

1. Thời gian: 8h00 - 11h45 ngày 24 tháng 4 năm 2018
2. Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh Luxury – Số 270 Võ Nguyên Giáp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Thời gian	Nội dung
7h30 - 8h00	- Tiếp đón cổ đông. Làm thủ tục đăng ký. Kiểm tra tư cách cổ đông. - Phát thẻ biểu quyết và tài liệu.
8h00 - 8h15	- Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông. - Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông - Tuyên bố lý do. Giới thiệu đại biểu - Giới thiệu Đoàn chủ tịch - Đoàn chủ tịch cử Đoàn thư ký - Thông qua quy chế đại hội - Đoàn chủ tịch hướng dẫn bầu Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình đại hội
8h15-10h00	Thông qua các Báo cáo tại Đại hội: 1. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018 2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán 3. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 4. Tờ trình tạm ứng cổ tức năm 2018 5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 7. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 8. Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, thư ký công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung toàn văn Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty
10h00-10h15	Nghỉ giải lao
10h15-11h30	- Thảo luận và Biểu quyết thông qua các Báo cáo tại Đại hội
11h30 – 11h45	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội - Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC

DỰ THẢO

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG****Chương I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng năm 2017 (gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI****Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông****1. Điều kiện tham dự**

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

2.1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ.

2.2. Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Ban tổ chức sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội; tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền của mình; tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo CMND hoặc Hộ chiếu để làm thủ tục đăng ký, Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông). Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho cổ đông tham dự một Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2.5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội đồng cổ đông, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

2.6. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu quả của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

3.1. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ Công ty.

3.2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

3.3. Cổ đông hay đại diện cổ đông khi tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

3.4. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ cổ đông đến dự họp; phát tài liệu Đại hội; Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Hội đồng quản trị đề cử Ban tổ chức gồm (Chủ tịch đoàn, Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông) để Đại hội thông qua.

2. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến của cuộc họp;

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;

6. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung theo Chương trình Đại hội.

2. Nội dung chính:

- Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Đoàn Chủ tịch; Ban Thư ký.
- Bầu Ban kiểm phiếu.
- Thông qua Chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu trữ tại Công ty.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Qui chế này gồm 5 Chương, 11 Điều; được thông qua và có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Phan Văn Tiên

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG****THẺ BIỂU QUYẾT**

Họ và tên cổ đông:

Họ và tên đại diện được ủy quyền:

Số ĐKSH/CMND:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần ủy quyền:

Tổng số cổ phần biểu quyết:



**HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết ghi họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền, số đăng ký sở hữu/CMND và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
2. Việc biểu quyết dựa trên nguyên tắc “một cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với một phiếu biểu quyết”.
3. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.
4. Khi tiến hành biểu quyết công khai tại đại hội, việc biểu quyết được tiến hành bằng cách số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ không tán thành được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

BAN TỔ CHỨC

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

(Dành cho cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội thực hiện bỏ phiếu từ xa)

1. Thông tin cổ đông:

Số ĐKSH:

Họ và tên cổ đông/Đại diện:

Tổng số cổ phần sở hữu/UQ:

2. Hướng dẫn biểu quyết:

1. Đánh dấu (✓) vào ô vuông biểu quyết (□).

2. Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ là:

(1) Phiếu điền sai hoặc/và để trống các thông tin cổ đông;

(2) Phiếu để trống các thông tin cần biểu quyết và/hoặc sai theo hướng dẫn biểu quyết.

3. Nội dung biểu quyết:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018:

Tán thành	<input type="checkbox"/>	Không tán thành	<input type="checkbox"/>	Không có ý kiến	<input type="checkbox"/>
-----------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------

2. Báo cáo Tài chính năm 2017 đã kiểm toán:

Tán thành	<input type="checkbox"/>	Không tán thành	<input type="checkbox"/>	Không có ý kiến	<input type="checkbox"/>
-----------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------

3. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017:

Tán thành	<input type="checkbox"/>	Không tán thành	<input type="checkbox"/>	Không có ý kiến	<input type="checkbox"/>
-----------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------

4. Tờ trình Tạm ứng cổ tức năm 2018:

Tán thành	<input type="checkbox"/>	Không tán thành	<input type="checkbox"/>	Không có ý kiến	<input type="checkbox"/>
-----------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------

5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

Tán thành	<input type="checkbox"/>	Không tán thành	<input type="checkbox"/>	Không có ý kiến	<input type="checkbox"/>
-----------	--------------------------	-----------------	--------------------------	-----------------	--------------------------



6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:

Tán thành <input type="checkbox"/>	Không tán thành <input type="checkbox"/>	Không có ý kiến <input type="checkbox"/>
------------------------------------	--	--

7. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

Tán thành <input type="checkbox"/>	Không tán thành <input type="checkbox"/>	Không có ý kiến <input type="checkbox"/>
------------------------------------	--	--

8. Báo cáo mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký công ty:

Tán thành <input type="checkbox"/>	Không tán thành <input type="checkbox"/>	Không có ý kiến <input type="checkbox"/>
------------------------------------	--	--

9. Tờ trình sửa đổi bổ sung toàn văn Điều lệ Công ty:

Tán thành <input type="checkbox"/>	Không tán thành <input type="checkbox"/>	Không có ý kiến <input type="checkbox"/>
------------------------------------	--	--

10. Tờ trình sửa đổi bổ sung toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty :

Tán thành <input type="checkbox"/>	Không tán thành <input type="checkbox"/>	Không có ý kiến <input type="checkbox"/>
------------------------------------	--	--

Họ và tên chữ ký của cổ đông
(Ký tên và đóng dấu nếu là tổ chức)



**THÔNG TIN****HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT***(Đành cho cổ đông khi cần ủy quyền tham dự đại hội cho thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát)*

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày/tháng/ năm sinh	Số CMND
1	Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	19/2/1959	120837441
2	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	07/10/1960	200325240
3	Nguyễn Mạnh Sơn	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	10/10/1960	201334154
4	Hà Phước Lộc	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	28/12/1968	200958262
5	Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên HĐQT	05/03/1978	012986721
6	Phạm Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	21/04/1957	011527023
7	Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	25/04/1975	012690578
8	Nguyễn Thị Minh Thu	Trưởng ban Kiểm soát	14/6/1976	201301308
9	Nguyễn Thị Vân Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	29/4/1974	012394339
10	Võ Thị Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	03/03/1969	201046396
11	Chu Quang Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát	10/10/1975	201648721

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phan Văn Tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: hanhchinh@drc.com.vn

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

- Săm xe máy	Chiếc	5,631,842	102%	100%
- Lốp ô tô , máy kéo	Chiếc	1,173,714	100%	106%
+ Lốp Bias	Chiếc	841,046	93%	95%
+ Lốp Radial	Chiếc	333,479	121%	145%
- Săm ô tô	Chiếc	901,152	90%	95%
- Yếm ô tô	Chiếc	570,393	81%	94%
- Lốp ô tô đắp	Chiếc	44,524	81%	107%
- Cao su kỹ thuật	Tr.đồng	8,861	81%	84%

Số liệu cho thấy:

- Việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:
 - + Chỉ tiêu doanh thu đạt 101% so với kế hoạch;
 - + Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 38,5 % so với kế hoạch;
 - + Lốp xe đạp không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với năm 2016 là do xu hướng tiêu dùng chuyển từ phương tiện xe đạp sang xe máy.
 - + Lốp xe máy tăng so với kế hoạch và năm 2016 là do phát triển thêm dòng sản phẩm mới lốp xe máy không săm cho xe máy tay ga.
 - + Lốp ô tô Bias tuy bị ảnh hưởng bởi sự thay thế của lốp Radial nhưng do làm tốt công tác thị trường, công tác phát triển sản phẩm mới, sản lượng tiêu thụ đạt 841.046 chiếc, giảm nhẹ 5% so với năm 2016.
 - + Năm 2017 là năm thứ tư Công ty bán thương mại dòng sản phẩm mới lốp ô tô radial ra thị trường nhưng sản lượng tiêu thụ đã đạt 333.479 chiếc tăng 45% so với năm 2016 và vượt 11% công suất thiết kế giai đoạn I của dự án.
- Thương hiệu DRC ngày càng lớn mạnh, năm 2017 Công ty được trao tặng các danh hiệu:
 - + Chương trình THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA – VIETNAM VALUE (2016-2018) của Bộ Công Thương;
 - + Top 50 công ty niêm yết tốt nhất VN năm 2017 (lần thứ 3 liên tiếp) do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn (DN duy nhất của ngành phụ tùng ô tô được bình chọn).
 - + Bảy năm liền (2011-2017) được Tạp chí nhịp cầu đầu tư xếp vào “Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam”;
 - + 20 năm liên tiếp đạt được danh hiệu “HÀNG VN CHẤT LƯỢNG CAO ” do Hội Doanh nghiệp Hàng VNCLC TP HCM bình chọn.

Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng luôn được cải thiện, nâng cao, trong năm đã tổ chức nhiều đoàn đi kiểm tra thực tế thị trường nhằm tư vấn, hướng dẫn và giải quyết kịp thời mọi khiếu nại của khách hàng đối với sản phẩm DRC, đặc biệt lốp ô tô radial.

Công tác quản lý tiền hàng, công nợ khách hàng được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định, bán ra bao nhiêu thu tiền về bấy nhiêu. Mặc dù doanh thu tiêu thụ ngày càng cao, đối tượng mua hàng ngày càng đa dạng, thị trường tiêu thụ rộng khắp trong và ngoài nước nhưng Công ty chưa để phát sinh bất kỳ một khoản công nợ khó đòi nào, tất cả các khoản công nợ của khách hàng đều được quản lý chặt chẽ, luôn đảm bảo thanh toán bằng chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc Bảo hiểm tín dụng.

Công tác quản lý hàng hóa tồn kho luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, quản lý giá trị hàng tồn kho lên đến hàng nghìn tỷ đồng, với hàng ngàn quy cách, chủng loại sản phẩm, nhưng qua các đợt tổng kiểm kê đều xác nhận chưa có bất kỳ tình trạng mất mát, thất thoát nào xảy ra.

Công tác kho vận trong năm qua cũng rất đáng ghi nhận, Khối bán hàng chịu trách nhiệm quản lý giao hàng đến tận kho các Nhà phân phối và Khách hàng trong và ngoài nước với khối lượng hàng hóa lên đến trên 60.000 tấn/năm nhưng chưa để xảy ra bất kỳ trường hợp hư hỏng, thất thoát nào. Công tác vận chuyển nội địa và xuất khẩu đều được tổ chức chào giá cạnh tranh theo quy chế tài chính của Công ty, qua đó tìm được những nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển có năng lực, uy tín, góp phần vào thành công trong công tác bán hàng của Công ty.

Đến nay độ phủ thương hiệu DRC theo bộ nhận diện mới thông qua hệ thống bảng quảng cáo quốc lộ trải dài cả nước. Xây dựng thương hiệu xe tay ga mới Dplus nhằm nâng cao vị thế và tương ứng với chất lượng sản phẩm được đầu tư công nghệ mới "Lốp xe máy tay ga làm theo công nghệ sản xuất lốp ô tô". Sản phẩm sẽ ra thị trường trong quý II năm 2018

2.3. Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển:

Để thích ứng với tình hình thị trường cạnh tranh ngày càng khắc nghiệt, Công ty kịp thời đưa ra nhiều giải pháp công nghệ mới, nhiều đề tài ứng dụng tiên bộ khoa học trong sản xuất đã được triển khai nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Đây là yếu tố then chốt giúp phát triển bền vững trong môi trường hội nhập.

Trong năm đã đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới. Việc đa dạng các quy cách sản phẩm đã đáp ứng và thỏa mãn kịp thời nhu cầu sử dụng của từng đối tượng khách hàng, theo đặc thù của từng vùng thị trường, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tạo nên nhiều lợi thế riêng có đối với nhãn hiệu DRC.

Công tác kiểm tra, chăm sóc, bảo dưỡng máy móc, thiết bị đã được quản lý chặt chẽ; hạn chế tối đa việc dừng sản xuất do sự cố thiết bị, giúp Công ty chủ động trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường, giảm được chi phí sửa chữa máy móc thiết bị.

Phong trào phát huy sáng kiến, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật luôn được duy trì và phát triển đều khắp ở tất cả các phòng, ban, xí nghiệp. Trong năm 2017, toàn Công ty đã có 116 giải pháp sáng kiến được duyệt tạo ra giá trị làm lợi trên 37 tỷ đồng, trong đó

+ Bảy năm liền (2011-2017) Công ty được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tặng danh hiệu: “Top những đơn vị có doanh thu và lợi nhuận cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam”;

+ Top 10 Thương hiệu uy tín ngành Hóa chất Việt Nam do Tạp chí Bộ Công thương Bình chọn;

+ Nhiều năm liền đạt Giải Sao vàng đất Việt.

2. Những biện pháp đã thực hiện

2.1. Công tác điều hành sản xuất:

Công tác chỉ đạo điều hành bám sát thực tiễn quản lý, bám sát nhiệm vụ đề ra. Phương thức điều hành phối hợp giữa các đơn vị kịp thời, chủ động bàn bạc và nhanh chóng xử lý phát sinh để triển khai kế hoạch đồng bộ. Công ty thường xuyên đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất và năng suất lao động. Các xí nghiệp sản xuất đã vận dụng chính sách tiền lương hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần, động viên người lao động nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công tác. Công tác kế hoạch đã sâu sát hơn, đặc biệt trong việc phối hợp với các đơn vị sản xuất và tiêu thụ, để cân đối năng lực, cân đối sản phẩm bảo đảm phát huy tốt năng lực sản xuất và đầy đủ, kịp thời sản phẩm cho thị trường. Việc giám sát thực hiện kế hoạch đối với sản xuất có tích cực, góp phần trong việc phát hiện những bất cập trong sản xuất, phối hợp với các đơn vị khắc phục để tăng sản lượng.

2.2. Công tác bán hàng:

Trước xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng công tác bán hàng trong năm qua tiếp tục chịu nhiều áp lực do mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, trong khi tình trạng gian lận thương mại đối với mặt hàng lốp ô tô nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn chưa được khắc phục. Mặt khác Việt Nam vẫn chưa áp dụng được rào cản kỹ thuật để hạn chế lốp Trung quốc giá rẻ tràn vào thị trường nội địa gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Tuy nhiên nhờ bám sát và nắm bắt kịp thời những diễn biến của thị trường, Công ty đã ban hành và áp dụng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp, tiếp tục tạo sự ổn định và không ngừng củng cố hệ thống các Nhà phân phối hiện có tại 63 tỉnh, thành.

DRC tiếp tục được chọn là Nhà cung cấp chiến lược sản phẩm săm lốp cho hầu hết các đơn vị sản xuất và lắp ô tô, xe đạp xe máy trên toàn quốc.

Công tác xuất khẩu được Công ty đặc biệt quan tâm, kim ngạch xuất khẩu đạt xấp xỉ 50 triệu USD tăng 64% so với năm 2016, giúp Công ty cân đối được nguồn ngoại tệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay, sản phẩm săm lốp DRC đã được xuất khẩu sang 40 nước trên Thế giới. Năm 2017, ngoài việc duy trì, củng cố các thị trường hiện có, Công ty đã khai thác thêm được 05 thị trường mới rất tiềm năng: Nam Phi, Mozambique, Angola, Guinea và Togo.

Công tác quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại được đầu tư và quan tâm đúng mức, DRC luôn củng cố và khẳng định vị trí là Nhà sản xuất săm lốp xe hàng đầu Việt Nam.

có đề tài được thưởng 100 triệu đồng, giá trị làm lợi mang lại do giảm trọng lượng lốp Radial tương đương 7,14 tỷ đồng

2.4. Công tác quản lý chất lượng

Công tác quản lý đánh giá chất lượng trong sản xuất có nhiều tiến bộ, việc sử dụng phần mềm quản lý Oracle đã mang đến những tiện ích rất lớn các đơn vị đều sử dụng phân tích dữ liệu để có biện pháp chấn chỉnh góp phần vào việc ổn định chất lượng sản phẩm.

Sự phối hợp giữa các Phòng chức năng với các Xí nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở làm việc nhóm rất triệt để, xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng, tỷ lệ sản phẩm bảo hành giảm đáng kể, ngoại quan của sản phẩm ngày càng được cải thiện, hiệu quả sử dụng của sản phẩm DRC được người tiêu dùng chấp nhận.

Tất cả các sản phẩm săm lốp ô tô DRC, đặc biệt lốp ô tô radial đều đã đạt các tiêu chuẩn chất lượng trong và ngoài nước như :

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi dành cho ô tô: QCVN 34/BGTVT
- Tiêu chuẩn an toàn của Bộ giao thông vận tải Hoa kỳ: DOT
- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu: EMARK
- Tiêu chuẩn quốc gia Indonexia: SNI
- Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản: JIS
- Tiêu chuẩn công nghiệp Brazil: INMETRO
- Tiêu chuẩn quốc gia Ấn độ: BIS

Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào được kiểm tra nghiêm ngặt, phân tích đo lường và cải tiến chất lượng sản phẩm thông qua số liệu phân tích, giám sát sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu đã tạo được sự ổn định rất lớn cho khâu gia công bán thành phẩm.

Công tác bảo hành sản phẩm luôn được quan tâm và cải tiến liên tục tạo ra sự thỏa mãn đối với người tiêu dùng ngày càng cao. Công ty tiếp tục duy trì kênh bảo hành trực tuyến 24/24, giám định và trả lời kết quả đến khách hàng một cách nhanh nhất.

2.5. Công tác đầu tư

Nhu cầu thị trường về lốp Radial tăng cao từ cuối quý 3 năm 2016 nên dự án Radial giai đoạn II được đẩy nhanh tiến độ bằng nhiều giải pháp để tăng sản lượng, ngày 25/11/2017 chiếc lốp lưu hóa đầu tiên của giai đoạn II đã ra đời đạt chất lượng tốt.

Việc hợp tác với Công ty Black Donuts Engineering INC (Phần Lan), một trong những công ty tư vấn hàng đầu thế giới về tư vấn chuyên giao công nghệ sản xuất lốp xe ô tô, đang cho những kết quả tích cực. Với chương trình này tin tưởng năm 2018 và những năm tiếp theo lốp Radial sẽ có bước đột phá tạo ra dòng sản phẩm có chất lượng vượt trội, nâng thương hiệu DRC lên tầm cao mới.

2.6. Công tác tài chính

Công ty bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn một cách tiết kiệm và có hiệu quả trong đầu tư, phát triển. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được phản ánh bằng các chỉ tiêu giá trị, chỉ tiêu tài chính, bằng các số liệu của kế toán và bảng tổng kết tài sản, sử dụng nhiều biện pháp tăng nhanh vòng quay vốn như: vừa đẩy mạnh bán hàng, vừa đảm bảo thu hồi được công nợ, nâng cao khả năng sinh lời của vốn kinh doanh.

Quản lý chặt chẽ công tác Tài chính Kế toán, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ quản lý cơ bản theo quy trình. Nhiều biện pháp kinh tế, pháp lý được vận dụng linh hoạt.

Chỉ số	Năm 2017
Hệ số sinh lời tài sản (ROA)	0,059
Hệ số sinh lời vốn (ROE)	0,109

Qua chỉ số trên thấy rằng: việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong năm qua giúp Công ty bảo đảm an toàn tài chính, nâng cao uy tín huy động vốn. Điều này giúp nâng cao năng lực và khẳng định vị thế cạnh tranh trên thị trường và tác động tích cực vào chỉ tiêu nộp ngân sách năm 2017.

2.7. Công tác lao động - tiền lương, đời sống

Luôn xác định người lao động là tài sản có giá trị nhất nên sau thời gian thử việc người lao động được ký hợp đồng lao động, được mua Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế; ngoài ra còn được mua Bảo hiểm con người 24/24 (Bảo Việt). Chăm lo cải thiện môi trường- điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất- tinh thần cho người lao động, đảm bảo nơi làm việc thoáng mát, nhà ăn đạt các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, khang trang sạch đẹp. Năm 2017, Công ty đã tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 1.800 lao động. Trong năm, chưa có trường hợp phải nghỉ việc dài ngày; thu nhập của CBCNV luôn được quan tâm thích đáng, hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp, các Nhà đầu tư và người lao động.

2.8. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được tổ chức chặt chẽ trong từng phòng ban, Xí nghiệp. Từng công đoạn sản xuất được kiểm tra kiểm soát với mục tiêu là giảm hao hụt từ các khâu gia công. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, thường xuyên, liên tục, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong Công ty đã đạt được kết quả quan trọng góp phần mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2017, Công ty đã giảm hao hụt trong giá thành gần 16 tỷ đồng, giảm chi phí tài chính trên 9 tỷ đồng do giảm lãi xuất vay dự án Radial.

B. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, tín hiệu thị trường cho thấy những khó khăn trước mắt sụt giảm mạnh tiêu thụ ở phân khúc lắp ráp do việc chuyển đổi từ tiêu chuẩn Euro 2 sử dụng lớp bias sang tiêu chuẩn Euro 4 sử dụng lớp radial trên xe tải nhẹ. Công ty chưa sản xuất hàng

loại lốp radial tải nhẹ (LTR) nên thiếu hụt nguồn cung loại sản phẩm này. Mặt khác, các loại nguyên liệu đầu vào có xu hướng tăng cao, đặc biệt là khan hiếm nguồn than đen nên đã đẩy giá mua tăng gần gấp đôi so với quý 3/2017, làm cho tiêu thụ tại phân khúc qua nhà phân phối và thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn khi phải tăng giá bán để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhận định sẽ còn nhiều khó khăn hơn nữa, Ban lãnh đạo Công ty định hướng điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty: tăng cường công tác quản trị mục tiêu, quản lý chi phí, phát huy nội lực tìm các biện pháp giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập của người lao động và lợi ích của các Nhà đầu tư.

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu; năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giá trị SXCN (giá CD1994)	Tr.đồng	2,510,350	3.252.627	130%
2	Giá trị SXCN theo giá thực tế	Tr.đồng	3,696,946	4.505.879	122%
3	Tổng doanh thu tiêu thụ	Tr.đồng	3,831,010	4.592.650	120%
4	Doanh thu thuần	Tr.đồng	3,669.170	4.384.818	120%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	207,723	205.638	99%
6	Sản phẩm:				
	<i>6.1. Sản xuất trong kỳ</i>				
	- Lốp xe đạp	Chiếc	5,051,101	5.760.000	114%
	- Săm xe đạp	Chiếc	4,284,263	4.800.000	112%
	- Lốp xe máy	Chiếc	2,538,781	3.000.000	118%
	- Săm xe máy	Chiếc	5,435,675	6.000.000	110%
	- Lốp ô tô , máy kéo	Chiếc	1,165,379	1.258.000	108%
	+ Lốp Bias	Chiếc	856,968	778.000	91%
	+ Lốp Radial	Chiếc	308,311	480.000	156%
	- Săm ô tô	Chiếc	982,711	960.000	98%
	- Yếm ô tô	Chiếc	599,289	660.000	110%

- Lốp ô tô dấp	Chiếc	45,438	60.000	132%
- Cao su kỹ thuật	Tr.đồng	8,861	15.000	169%
<i>6.2. Tiêu thụ trong kỳ</i>				
- Lốp xe đạp	Chiếc	4,962,256	5.760.000	116%
- Săm xe đạp	Chiếc	4,713,949	4.800.000	102%
- Lốp xe máy	Chiếc	2,522,013	3.000.000	119%
- Săm xe máy	Chiếc	5,631,842	6.000.000	107%
- Lốp ô tô , máy kéo	Chiếc	1,173,714	1.258.000	107%
+ Lốp Bias	Chiếc	841,046	778.000	93%
+ Lốp Radial	Chiếc	333,479	480.000	144%
- Săm ô tô	Chiếc	901,152	960.000	107%
- Yếm ô tô	Chiếc	570,393	660.000	116%
- Lốp ô tô dấp	Chiếc	44,524	60.000	135%
- Cao su kỹ thuật	Tr.đồng	8,861	15.000	169%

II. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác điều hành sản xuất

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất vẫn cần phải tiếp tục đổi mới, linh hoạt, đáp ứng kịp thời theo nhu cầu thị trường, đảm bảo chất lượng ổn định. Phát huy hơn nữa tính chủ động sáng tạo, đề cao trách nhiệm cá nhân trong điều hành, quản lý và thực thi nhiệm vụ.

2. Công tác Kế hoạch

Phối hợp với các Phòng, Ban và Xí nghiệp tham mưu cho Ban điều hành trong việc xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng phù hợp với năng lực sản xuất của Công ty và đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu thị trường. Đảm bảo ổn định sản xuất, khai thác tốt máy móc thiết bị cũng như các nguồn lực góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tham mưu cho Ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất và giám sát sản xuất. Tính toán giá thành kế hoạch và hiệu quả kinh tế của sản phẩm làm cơ sở để Lãnh đạo Công ty đưa ra những quyết định trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và đầu tư tăng năng lực sản xuất của Công ty.

3. Công tác bán hàng

Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác bán hàng nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư, phát triển của Công ty và xu thế hội nhập toàn cầu, duy trì và không ngừng phát triển hệ thống kênh phân phối và khách hàng trong nước.

Tăng cường tiềm lực và đẩy mạnh công tác xuất khẩu, tìm kiếm, khai thác thị trường mới; có chương trình, kế hoạch để phát triển thị trường một cách dài hạn đáp ứng yêu cầu đầu tư và tăng trưởng của Công ty trong những năm tới.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng để tạo ra lợi thế cạnh tranh của nhãn hiệu DRC so với các sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước.

Tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để tạo ra nhiều sản phẩm mang tính khác biệt, đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu của thị trường. Tăng cường đầu tư cho công tác marketing, nghiên cứu thị trường hiện tại và tương lai nhằm đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty. Quan tâm hơn nữa công tác marketing, quảng bá thương hiệu DRC tại thị trường nước ngoài.

Chú trọng công tác quản lý tiền hàng không để phát sinh nợ khó đòi, không để xảy ra tình trạng thất thoát tiền hàng trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

4. Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển

Thường xuyên áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đẩy mạnh các chương trình hợp tác với các chuyên gia đầu ngành về công nghệ ô tô trên thế giới để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm DRC.

Nghiên cứu sử dụng các nguồn vật tư thay thế có giá cả hợp lý để tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm. Rà soát lại các quy trình công nghệ, các đơn pha chế, thiết kế sản phẩm và ban hành mới các định mức kỹ thuật theo hướng tiên tiến, sát thực tế, phân đầu giảm hao hụt trong các công đoạn sản xuất, giảm tỷ lệ sản phẩm phế...nhằm tiết giảm tối đa các chi phí sản xuất.

Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ngừng sản xuất do hư hỏng thiết bị, phân đầu tiết giảm chi phí sửa chữa tại các Xí nghiệp sản xuất, góp phần giảm chi phí quản lý chung của Công ty.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm tạo ra giá trị gia tăng trong sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Công tác quản lý chất lượng

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, nhanh chóng phát hiện và ngăn chặn kịp thời các nguy cơ gây ra sản phẩm hỏng, phát huy tính chủ động và khả năng làm việc theo nhóm để xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng sản phẩm.

Giải quyết triệt để việc để sản phẩm không đạt tiêu chuẩn phẩm cấp chất lượng lọt lưới và hiện tượng nhằm quy cách, chủng loại trong quá trình kiểm tra, đóng gói bao bì sản phẩm.

6. Công tác đầu tư

Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm – Giai đoạn II, theo kế hoạch hoàn thành vào quý IV năm 2018. Phối

hợp chặt chẽ với bộ phận tài chính kế toán trong việc cân đối nguồn vốn đầu tư và giải ngân phục vụ dự án một cách hiệu quả.

7. Công tác tài chính

Làm tốt vai trò tham mưu cho Ban điều hành triển khai một cách có hiệu quả các chương trình tiết kiệm, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phối hợp với Phòng bán hàng, Phòng xuất khẩu xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn.

Tính toán, cân đối hợp lý các nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định, chính sách của Nhà nước ở Công ty và các đơn vị.

Thực hiện thường xuyên việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Công tác lao động - tiền lương, đời sống

Thường xuyên thực hiện công tác phân tích tiền lương nhằm chấn chỉnh kịp thời sự bất hợp lý trong việc xây dựng đơn giá lương, tạo sự công bằng hợp lý trong thu nhập của người lao động.

Phối hợp tổ chức Công đoàn phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; phong trào thi đua lao động sản xuất; phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lao động sáng tạo; xây dựng văn hóa Công ty; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

9. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham nhũng. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường nhật của tất cả các cá nhân, đơn vị, các tổ chức đoàn thể Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Bằng những giải pháp cụ thể và thiết thực nêu trên, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị với quyết tâm, trách nhiệm của Ban điều hành và sự đồng thuận của người lao động, cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng sẽ tiếp tục phát huy truyền thống **“Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, phát triển”** phấn đấu thực hiện hoàn thành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

**TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Bình

**ĐỊU KIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016
Giá trị SXCN (giá CĐ 1994)	3.252 tỷ đồng
Giá trị sản xuất thực tế	4.505 tỷ đồng
Tổng doanh thu tiêu thụ	4.592 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	205,6 tỷ đồng

CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẰNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2017

(Sau kiểm toán)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	1,090,444,347,033	1,248,509,068,146
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	67,220,406,230	50,834,076,001
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	412,479,165,500	419,093,357,321
4	Hàng tồn kho	596,011,719,757	770,987,293,908
5	Tài sản ngắn hạn khác	14,733,055,546	7,594,340,916
II	Tài sản dài hạn	1,703,862,593,700	1,574,410,957,484
1	Các khoản phải thu dài hạn	127,036,800	127,036,800
2	Tài sản cố định	1,518,376,033,594	1,500,476,988,693
	- Tài sản cố định hữu hình	1,503,405,500,584	1,485,316,274,215
	- Tài sản cố định vô hình	14,970,533,010	15,160,714,478
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	131,370,679,511	19,832,282,727
4	Bất động sản đầu tư		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4,102,571,419	4,334,355,034
6	Tài sản dài hạn khác	49,886,272,376	49,640,294,230
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,794,306,940,733	2,822,920,025,630
IV	Nợ phải trả	1,267,518,201,934	1,216,504,573,238
1	Nợ ngắn hạn	858,514,038,151	824,905,089,504
2	Nợ dài hạn	409,004,163,783	391,599,483,734
V	Vốn chủ sở hữu	1,526,788,738,799	1,606,415,452,392
1	Vốn chủ sở hữu	1,526,788,738,799	1,606,415,452,392
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,187,926,050,000	1,187,926,050,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	197,111,763,102	169,447,990,102
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	141,750,925,697	249,041,412,290
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,794,306,940,733	2,822,920,025,630



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,831,010,101,189	3,543,958,559,983
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	161,839,354,665	153,685,077,585
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,669,170,746,524	3,390,273,482,398
4	Giá vốn hàng bán	3,211,663,388,193	2,654,561,871,040
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	457,507,358,331	735,711,611,358
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8,042,606,927	16,170,938,673
7	Chi phí tài chính	73,657,714,275	82,545,915,963
8	Chi phí bán hàng	118,374,084,847	85,165,477,311
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66,273,844,414	73,430,914,494
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207,244,321,722	510,740,242,263
11	Thu nhập khác	539,000,659	13,738,587,129
12	Chi phí khác	60,000,000	31,345,247
13	Lợi nhuận khác	479,000,659	13,707,241,882
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	207,723,322,381	524,447,484,145
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	41,691,606,243	104,935,540,843
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	166,031,716,138	419,511,943,302
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,398	3,531
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (*)		

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

		Năm 2017	Năm 2016
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	533,243,431,290	490,835,413,400
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(332,191,795,061)	(100,103,913,200)
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(184,623,122,330)	(580,140,984,218)
4	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	16,428,513,899	(189,409,484,018)
5	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50,834,076,001	240,226,906,028
6	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(42,183,670)	16,653,991
7	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	67,220,406,230	50,834,076,001

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	60.98%	55.77%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	39.02%	44.23%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	45.36%	43.09%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	54.64%	56.91%
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.58	0.58
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1.27	1.51
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	7.43%	18.58%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.53%	12.37%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	10.87%	26.11%

Ngày 16 tháng 03 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2017

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 chuyển sang	35,115,512,059
2	Lợi nhuận phát sinh năm 2017	207,723,322,381
	Thuế TNDN	41,691,606,243
	Lợi nhuận sau thuế	166,031,716,138
3	Phân phối lợi nhuận năm 2017	
	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	24,904,757,421
	- Quỹ khen thưởng (4%)	6,641,268,646
	- Quỹ phúc lợi (3%)	4,980,731,354
	- Quỹ thưởng ban điều hành	291,700,000
	Cộng	36,818,457,421
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	- Năm 2016	35,115,512,059
	- Năm 2017	129,213,258,717
	Cộng	164,328,770,776
5	Vốn điều lệ	1,187,926,050,000
	Số cổ phần	118,792,605
6	Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận 2017 như sau:	
	Chia cổ tức bằng tiền mặt 13%	154,430,386,500
	- Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5%	59,396,302,500
	- Số cổ tức còn phải chia bằng tiền mặt 8%	95,034,084,000
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau:	9,898,384,276

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC**Nguyễn Thanh Bình**



Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH**Về việc tạm ứng cổ tức năm 2018**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG NĂM 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2018 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Trân trọng!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phan Văn Tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: hanhchinh@drc.com.vn

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018



**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2017, chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh chủ yếu đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2017	Thực hiện năm 2017		
					Kết quả thực hiện năm 2017	Với Nghị quyết ĐHĐCĐ	Với thực hiện năm 2016
1	Giá trị SXCN thực tế	Tỷ đồng	3.423	3.750	3.697	99%	108%
2	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	3.537	3.793	3.831	101%	108%
3	Lợi nhuận thực hiện	Tỷ đồng	494	541	207,7	38,5%	39,6%

2. Đánh giá kết quả đạt được:

Chỉ đạo xuyên suốt của Hội đồng quản trị trong năm 2017 là tập trung thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, phát triển bảo toàn vốn, kiện toàn bộ máy quản lý... Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện để kịp thời định hướng đề xuất những giải pháp phù hợp giúp Ban điều hành hoàn thành mục tiêu đã đề ra.

Năm 2017, với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt giá cao su nguyên vật liệu tăng cao, áp lực cạnh tranh thị trường nội địa và xuất khẩu đặc biệt là các sản phẩm cùng loại có giá thấp của Trung Quốc. Ngoài ra cơ cấu sản phẩm tiêu thụ thay đổi cũng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Kết quả thực hiện 2017 như sau:

năm 2016. Tuy nhiên do mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt nên lợi nhuận thu được chỉ đạt 38,5% kế hoạch.

Ban điều hành đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật, các quy chế và Điều lệ Công ty.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty gồm có 7 thành viên

- | | |
|-------------------------|------------------------------|
| - Ông Phan Văn Tiền | - Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Thanh Bình | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Mạnh Sơn | - Thành viên |
| - Ông Hà Phước Lộc | - Thành viên |
| - Ông Hoàng Mạnh Thắng | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Huy Hiếu | - Thành viên |
| - Ông Phạm Ngọc Phú | - Thành viên |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

2.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp, 09 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản, đã ban hành 16 nghị quyết và các quyết định nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời kỳ, từng giai đoạn. Đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành, Ban Quản lý dự án trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các dự án của Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

2.2 .Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị .

TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
01	43/NQ-DRC-HĐQT	18/01/2017	- Ủy quyền Tổng giám đốc giao dịch với các ngân hàng
02	44/NQ-DRC-HĐQT	14/02/2017	- Thông qua kết quả SXKD quý 4 và năm 2016; dự kiến chỉ tiêu KHSXKD quý 1/2017 - Phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án năm 2017 của Dự án “Nhà máy sản xuất lốp Radial công suất 600.000 lốp/năm” giai đoạn 2 - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2017
03	45/NQ-DRC-HĐQT	08/3/2017	- Phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất lốp Radial công suất 600.000 lốp/năm” giai đoạn 2

04	46/NQ-DRC-HĐQT	29/3/2017	- Thông qua kết quả SXKD quý 1/2017; Kế hoạch SXKD quý 2 và cả năm 2017 - Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 - Thông qua nội dung, chương trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
05	47/NQ-DRC-HĐQT	18/4/2017	- Phê duyệt hạn mức vay vốn và ủy quyền Tổng giám đốc giao dịch ngân hàng - Thống nhất thực hiện thoái vốn của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng tại Công ty cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam
06	48/NQ-DRC-HĐQT	15/5/2017	- Phê duyệt phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2016 phần còn lại.
07	49/NQ-DRC-HĐQT	05/6/2017	- Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017
08	50/NQ-DRC-HĐQT	23/6/2017	- Bỏ nhiệm lại Tổng giám đốc công ty
09	51/NQ-DRC-HĐQT	23/6/2017	- Vay vốn và thế chấp tài sản để mua thiết bị lẻ năm 2016
10	52/NQ-DRC-HĐQT	20/7/2017	- Thông qua kết quả SXKD quý 2/2017; 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch SXKD quý 3/2017 - Thông qua Báo cáo tài chính tóm tắt 6 tháng đầu năm 2017
11	53/NQ-DRC-HĐQT	12/9/2017	- Vay vốn và thế chấp tài sản để mua sắm thiết bị lẻ năm 2017
12	54/NQ-DRC-HĐQT	12/9/2017	- Giao việc xem xét và quyết định điều chỉnh (kéo dài hoặc rút ngắn) tiến độ thực hiện các hợp đồng xây dựng, thuộc dự án “Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm - Giai đoạn II”
13	55/NQ-DRC-HĐQT	19/10/2017	- Phê duyệt danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu chính - Thông qua báo cáo tài chính 9 tháng 2017
14	56/NQ-DRC-HĐQT	02/11/2017	- Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng 2017; Kế hoạch SXKD quý 4 và cả năm 2017 - Thông qua sửa đổi Quy chế trả lương Công ty
15	57/NQ-DRC-HĐQT	02/11/2017	- Tạm ứng cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017
16	58/NQ-DRC-HĐQT	02/11/2017	- Tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty.

3. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty, với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, đã tích cực chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty đúng định hướng phát triển và bám sát các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Đối với các dự án đầu tư: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện các thủ tục thoái vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo đúng quy định; phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án “Nhà máy sản xuất lốp Radial công suất 600.000 lốp/năm” giai đoạn 2 phù hợp với tình hình thực tế và năng lực sản xuất của Công ty nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2017; giám sát việc chi trả cổ tức năm 2016 và tạm ứng cổ tức năm 2017; thực hiện công bố thông tin đầy đủ đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty, các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính công khai minh bạch tạo niềm tin, lợi ích cho các cổ đông.

Kiểm toàn bộ máy quản lý, rà soát công tác nhân sự đối với cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2016-2021; bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty theo đúng quy trình.

Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền đảm bảo sự nhất quán trong định hướng chiến lược Công ty; Các thành viên Hội đồng quản trị đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông.

4. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Hội đồng quản trị hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, không hưởng lương chi hưởng thù lao. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, mức thù lao chi trả là:

+ Chủ tịch HĐQT: 90.000.000 đồng/năm ;

+ Thành viên HĐQT: 468.000.000 đồng/năm;

Tổng thù lao chi trả cho HĐQT: 558.000.000 đồng/năm.

IV. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Dự báo năm 2018 tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế có tăng trưởng nhưng không đồng đều và tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường; xu hướng bảo hộ vẫn gia tăng. Sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 lên mọi mặt của đời sống xã hội dẫn đến mức độ phân hóa giữa các nền sản xuất ngày càng cao. Sự tăng trưởng kinh tế trong nước kết hợp với chuyển đổi nhu cầu tiêu dùng vừa là cơ hội đồng thời cũng là thách thức đối với sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị định hướng mục tiêu, kế hoạch hoạt động và mục tiêu năm 2018 cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch 2018;
- Đảm bảo việc làm, đời sống và thu nhập của người lao động không thấp hơn 2017.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	So thực hiện 2017 (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp thực tế	Tỷ đồng	4.505	122%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.592	120%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	205,6	99%

3. Định hướng kế hoạch năm 2018

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm tăng cường công tác quản trị điều hành, quản lý tiết kiệm chi phí, nâng cao tính chủ động, phát huy nội lực tìm các giải pháp tốt nhất để đạt kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất;

- Chỉ đạo Ban điều hành:

+ Ở trong nước giữ vững thị phần đang có, tích cực mở rộng đối tượng khách hàng mới. Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường mới. Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý, linh hoạt.

+ Hoàn thành Dự án Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial giai đoạn II trong quý IV/2018 theo đúng Nghị quyết của HĐQT và các các hạng mục theo Kế hoạch đầu tư thiết bị lẻ 2018.

+ Tiếp tục thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam.

+ Tập trung ổn định sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; đảm bảo thu nhập cho người lao động, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động đối với Công ty.

+ Rà soát ban hành, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ công ty phù hợp với tình hình hoạt động Công ty và quy định pháp luật liên quan.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo các Quy chế, quy định, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT thực thi theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2017 và kế hoạch định hướng năm 2018. Chúng tôi mong nhận được ý kiến tham gia của quý vị cổ đông nhằm giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị đạt được kết quả tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Phan Văn Tiên



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

DANANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Lô G, đường Tạ Quang Bửu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Tel: 0236 3771405-3771404 Fax: 0236 3771400 Email: hanhchinh@drc.com.vn

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG**

Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2016, Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động trong năm 2017 với một số nội dung chủ yếu như sau:

A. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017.**I/ Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017.**

Ban kiểm soát chú trọng đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT), đưa ra các kiến nghị với HDQT- Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2017.

- Giám sát hoạt động của HDQT, điều hành của Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban điều hành Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT và Ban Giám đốc trong năm 2017, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.

- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính tháng, quý, năm của Công ty, phối hợp với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính năm 2017 nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính năm 2017; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2016.

Cụ thể như sau:

1. Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2017.

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định.

- Hàng quý Công ty thực hiện lập và gửi báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước và công bố công khai theo quy định.

- Công ty thực hiện việc đối chiếu các khoản công nợ phải thu phải trả tương đối đầy đủ.

- Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban kiểm soát đã xem xét, thẩm định, qua đó Ban kiểm soát thấy rằng Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng được phát hành tại báo cáo kiểm toán số 080318.006/BCTC.KT5 ngày 8 tháng 3 năm 2018 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã được điều chỉnh theo thông báo kết quả kiểm toán số 70/TB-KTNN ngày 5 tháng 1 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước theo quy định.

Ban kiểm soát đã có ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty vào ngày 8/3/2018 gửi Hội đồng quản trị Công ty.

2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện các dự án:

+ Dự án Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm - giai đoạn II: Sau khi dự án được phê duyệt cho triển khai, Ban QLDA đã tiến hành rà soát thiết kế, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và từng bước thực hiện các gói thầu, cụ thể như sau:

Các gói thầu tư vấn, xây lắp: Có 8 hợp đồng đã được ký kết trong đó có 3 hợp đồng đã thực hiện xong và 5 hợp đồng đang triển khai thực hiện.

Các gói thầu cung cấp thiết bị: Có 14 hợp đồng đã được ký kết trong đó có 9 hợp đồng đã thực hiện xong và 5 hợp đồng đang triển khai thực hiện.

Giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2017: 318.607.000.000 đồng.

Giá trị giải ngân trong năm 2017: 310.695.000.000 đồng.

+ Hạng mục đầu tư thiết bị lẻ: Có 3 hợp đồng đã thực hiện xong và 3 hợp đồng đang triển khai thực hiện.

Giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2017: 36.962.000.000 đồng.

Giá trị giải ngân trong năm 2017: 30.254.000.000 đồng.

- Trong năm 2017 Kiểm toán nhà nước đã kiểm toán 2 dự án: dự án Di dời, đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất xí nghiệp sẫm lốp xe đạp, xe máy từ Bắc Mỹ an vào khu Công nghiệp Liên chiểu và dự án Di dời xí nghiệp sẫm lốp ô tô từ Bắc Mỹ an vào khu Công nghiệp Liên chiểu. Tại thời điểm ngày 23/3/2018 Công ty đã hoàn tất việc thu hồi theo đúng các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

3. Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017:

Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2017 tập trung chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và ban hành các quy chế của Công ty.

Ban Kiểm soát được mời tham dự những cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban kiểm soát nhận thấy:

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, Quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội cổ đông năm 2017, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đề ra.

- Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 đúng với Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.

- Chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2016 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 28% vốn điều lệ.

- Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận năm 2017 cho cổ đông hiện hữu.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2017 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành:

Qua quá trình giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty, Ban kiểm soát có đánh giá như sau:

- Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn năm 2017:

+Thuận lợi: năm 2017 các yếu tố vĩ mô như lạm phát được kiểm soát, lãi vay ổn định và biến động tỷ giá không nhiều. Phân khúc thị trường tiêu thụ cho lắp ráp ô tô có sự tăng trưởng mạnh vào những tháng cuối năm do các dòng xe Euro 2 phải lắp ráp và đăng kiểm xong trong năm 2017 để năm 2018 chuyển sang tiêu chuẩn Euro 4. Sản phẩm DRC đã khẳng định thương hiệu trên thị trường xuất khẩu, đơn đặt hàng lốp Radial tương đối ổn định của các thị trường chính như Brazil, Colombia, Malaysia và Thái Lan.

+Khó khăn: khó khăn lớn nhất là giá nguyên vật liệu tăng cao làm cho giá thành tăng cao trong khi giá bán không tăng được mức tương ứng dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty giảm mạnh. So với giá nguyên vật liệu năm 2016 thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của sản phẩm tăng khoảng 29% và giá thành sản phẩm tăng khoảng 24%. Trong khi đó, giá bán chỉ tăng không đáng kể do áp lực cạnh tranh của sản phẩm có giá bán thấp xuất xứ từ Trung Quốc. Ngoài ra, việc ngày càng nhiều nước áp dụng rào cản kỹ thuật gây trở ngại rất lớn cho sản phẩm của DRC thâm nhập thị trường xuất khẩu.

Trong bối cảnh thuận lợi ít nhưng khó khăn rất nhiều, Ban kiểm soát nhận thấy Ban điều hành đã nỗ lực rất lớn trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ban điều hành đã rất linh hoạt trong việc ứng phó tình hình để đưa ra những giải pháp tích cực và phù hợp để đảm bảo tốt nhất lợi ích của cổ đông.

Kết quả thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So với kế hoạch	So với 2016
1	Giá trị sản xuất thực tế	Tỷ đồng	3.750	3.696	99%	108%
2	Tổng doanh thu	//	3.793	3.831	101%	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	//	540	207,7	38,5%	39,6%

- Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy phù hợp, chưa phát hiện sai phạm.

- Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị:

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành được ban hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nhằm giám sát cũng như đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2017.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban điều hành Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp.
- Rà soát các quy chế và quy định Công ty ban hành, đề xuất hiệu chỉnh những quy chế, quy định.. chưa phù hợp, nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định để phục vụ công tác điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề trong năm 2017: việc tuân thủ quy định, quy trình đối với hoạt động mua sắm quản lý vật tư (nguyên vật liệu chính) quý II năm 2017.
- Thường xuyên xem xét và kiểm tra hệ thống sổ sách chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng tháng, quý 1 và 6 tháng, 9 tháng năm 2017, kịp thời có những kiến nghị đối với bộ phận chức năng, Ban giám đốc để hoạt động tài chính kế toán ngày càng tốt hơn.

6. Ý kiến của các cổ đông:

Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2017.

II. Ban kiểm soát nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Trong năm 2017 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình kiểm soát, Ban Kiểm soát chưa phát hiện được sai phạm nào của Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm phương hại đến quyền lợi của Công ty và của các cổ đông.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị Công ty thực hiện nghiêm túc các kiến nghị, ý kiến của của Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra kiểm soát báo cáo tài chính, kiểm tra chuyên đề..

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial công suất 600.000 lốp/năm – giai đoạn II theo đúng tiến độ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Các quy chế, quy định, quy trình quản lý điều hành Công ty cần thường xuyên rà soát để bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành cần đánh giá, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tình hình thực tế.

3. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

- Tiếp tục kiểm tra kiểm soát theo chuyên đề trong năm 2018.

- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018

- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính, sổ sách kế toán hàng tháng, quý, sáu tháng và cả năm của Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD để nắm bắt và đánh giá chính xác hoạt động SXKD của Công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.

- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

B. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

I. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.

Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho Ban kiểm soát theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

II. Dự toán dự toán kinh phí hoạt động năm 2018.

Căn cứ vào nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2018; căn cứ vào quy mô, tính chất hoạt động của Công ty trong bối cảnh kinh tế vĩ mô được dự báo còn nhiều bất ổn và khó định đoán. Việc tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát để ngăn ngừa giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là rất cần thiết. Với tinh thần đó Ban kiểm soát đã xây dựng chương trình công tác và dự toán kinh phí hoạt động cho năm 2018, dự kiến như sau:

STT	Khoản mục phí	Dự toán năm 2018
1	Công tác phí, chi phí công vụ (tiền vé máy bay, tàu xe, lưu trú, phụ cấp công tác phí, ..)	38.400.000 đồng
2	Chi phí hội thảo, hội họp, văn phòng phẩm , tài	21.000.000 đồng

	liệu nghiên cứu, in ấn..	
3	Dự phòng	6.000.000 đồng
	Tổng cộng	65.400.000 đồng
	Chi phí lương, thù lao theo quy định	

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH**Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG NĂM 2018

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần cao su Đà Nẵng thông qua ngày 26/4/2016, Ban kiểm soát lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty như sau:

1. Nguyên tắc lựa chọn:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được UBCKNN và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

2. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán:

Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và thực hiện các yêu cầu khác của Ban kiểm soát.

Mức phí kiểm toán do Công ty thương thảo.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(đã ký)
Nguyễn Thị Minh Thu



Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO
MỨC THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY NĂM 2017
VÀ DỰ KIẾN MỨC THÙ LAO NĂM 2018****1. Mức thù lao năm 2017:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng năm 2017, mức thù lao chi trả là:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty : 5.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

2. Dự kiến mức thù lao năm 2018 : Không thay đổi, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 7.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 6.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty : 5.500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS : 4.000.000 đồng/người/tháng

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phan Văn Tiền



Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH**Về việc sửa đổi bổ sung toàn văn Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG NĂM 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng,

Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Đà Nẵng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau :

1. Sửa đổi, bổ sung toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (Phụ lục 1 đính kèm)
2. Sửa đổi bổ sung toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng (Phụ lục 2 đính kèm)

Trân trọng!

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phan Văn Tiên**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	26
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	27
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	28
Điều 37. Kiểm soát viên.....	28
Điều 38. Ban kiểm soát.....	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 39. Trách nhiệm cán trọng.....	29
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	31
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	31
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	32
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	32
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	32
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	32
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	32
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	32
Điều 46. Năm tài chính.....	33
Điều 47. Chế độ kế toán.....	33
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	33
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	33
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	34

Điều 50. Kiểm toán.....	34
XVII. CON DẤU	34
Điều 51. Con dấu.....	34
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	34
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	34
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	34
Điều 54. Thanh lý.....	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	35
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	35
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 56. Điều lệ công ty.....	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	36
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng ... năm ...

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "**Công ty**": là Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng;
- b. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "**Luật doanh nghiệp**" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "**Luật chứng khoán**" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- e. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- f. "**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- g. "**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị** (sau đây gọi tắt là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty, không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 3 năm liền kể trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất 05 năm liền trước đó.
- h. "**Người phụ trách quản trị công ty**: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.
- i. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
- j. "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- k. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- l. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DANANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DRC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Điện thoại: 0511.3771404

- Fax: 0511.3771400

- E-mail: hanhchinh@drc.com.vn

- Website: www.drc.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty trong việc xác lập các giao dịch, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này;

d. Có các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:
 - a. Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su và vật tư thiết bị cho ngành công nghiệp cao su;
 - b. Chế tạo, lắp đặt thiết bị ngành công nghiệp cao su;
 - c. Kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp;
 - d. Khám chữa bệnh y tế ban đầu cho cán bộ công nhân viên Công ty;
 - e. Kinh doanh các ngành nghề khác pháp luật không cấm
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.187.926.050.000** đồng (Một nghìn một trăm tám mươi bảy tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **118.792.605** cổ phần với mệnh giá là mười nghìn (10.000) đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không vượt quá lãi suất Công ty vay thương mại) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

(Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội: được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội

đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51%** trở lên tổng số phiếu

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông; Xây dựng và ban hành các quy chế quản trị khác để quản lý các mặt hoạt động của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5 % giá trị tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm

nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu

lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn

nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty là ba (03) năm và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Trước ngày 31/10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế

hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cản trở

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của

minh với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty, trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở Phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo quy định pháp luật tối đa không quá mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty.

- Việc trích lập và sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư, phát triển Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy

chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Căn cứ pháp lý và Phạm vi điều chỉnh	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TÓ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG	6
Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	8
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	12
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	13
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	14
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu	15
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	15
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	16
Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty	17
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	18
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	18
Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT	20
Mục 1. Quy định chung	20
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	20
Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT	21
Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT	21

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	22
Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT -----	22
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	22
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT -----	23
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	23
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	23
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	24
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	24
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----	Error! Bookmark not defined.
Điều 34. Cuộc họp HĐQT -----	24
Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----	25
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	28
Mục 1. Quy định chung -----	28
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát -----	28
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên -----	29
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát -----	29
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	29
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên -----	29
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	30
Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên -----	30
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên -----	30
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	30
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	31
Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát -----	31
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát -----	31
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát -----	31
CHƯƠNG 5 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT -----	31
Điều 47. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT -----	31
Điều 48. Tiểu ban Chính sách phát triển -----	32
Điều 49. Tiểu ban Nhân sự -----	32
Điều 50. Tiểu ban Lương thưởng -----	33
Điều 51. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ -----	33
CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----	35
Điều 52. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp -----	35
Điều 53. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	36
Điều 54. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp -----	37
Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	37

Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	37
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC-----	37
Điều 57. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc -----	37
Điều 58. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát-----	37
Điều 59. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc-----	37
Điều 60. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT-----	38
Điều 61. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao -----	39
Điều 62. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc-----	39
Điều 63. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS-----	39
Điều 64. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	40
CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC-----	42
Điều 65. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác-----	42
Điều 66. Khen thưởng -----	42
Điều 67. Kỷ luật -----	42
CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	43
Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	43
Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	43
Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	43
Điều 71. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	44
Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	44
CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----	44
Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty-----	44
CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC -----	44
Điều 74. Ngày hiệu lực-----	44

C 1-QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý và Phạm vi điều chỉnh

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để đảm bảo cơ cấu quản trị minh bạch và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty; Quy định về phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; Cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

3. Đối tượng áp dụng:

- Cổ đông;

- Thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban Kiểm soát;

- Ban điều hành gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

- Cán bộ quản lý khác của Công ty

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

2. Thành viên độc lập HĐQT (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty: là Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

4. HĐQT: là Hội đồng quản trị

5. Ứng cử: là tự đề cử

6. BKS: là Ban kiểm soát

7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

e. Nhiệm vụ của Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty:

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

**Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục
về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

HDQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HDQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HDQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận (Công ty phải gửi tài liệu cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu), bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự biểu quyết tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

a. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân,

người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; Những tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của HĐQT;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Số lượng thành viên HĐQT;
- g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

- a. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.
- b. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được thảo luận và biểu quyết công khai tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho thẻ này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự

Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết

b. Thẻ biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Thẻ biểu quyết;

- Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ biểu quyết khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

Điều 11. Cách thức biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

2. Các hình thức biểu quyết

a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu trực tiếp: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh

dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào

HDQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

• Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

• Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

• Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử

cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử tán thành nghị quyết, sau đó thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

1. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51%** trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo

bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d. Hoạt động của Tiểu ban trực thuộc HĐQT (nếu có);
- e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- g. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải lập Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật Chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Điều 22 Quy chế này

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty.
3. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán.
4. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
5. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
6. Thông qua giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch/ số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ

đồng là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối

với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách

nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu,

Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.
4. Thành viên HĐQT của công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông

nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử (05) ứng viên trở lên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức;

c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 34. Cuộc họp HĐQT

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- Thành viên độc lập HĐQT;
- Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
- Các trường hợp khác (nếu có).

c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):

a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông

báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;

c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử,

Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Trường Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử (05) ứng viên trở lên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Quy chế này.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 47. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

1. Để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc.

2. HĐQT công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác. HĐQT cần bổ nhiệm thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban.

3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử HĐQT làm Trưởng tiểu ban.

Điều 48. Tiểu ban Chính sách phát triển

1. Cơ cấu của tiểu ban Chính sách phát triển: Chính sách phát triển Công ty gồm ba (03) thành viên do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Chính sách phát triển có thành viên là thành viên độc lập HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT).

2. Tiêu chuẩn thành viên của Tiểu ban Chính sách phát triển, trưởng tiểu ban:

- a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;
- b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
- d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của công ty;
- e. Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc các ngành có liên quan;
- f. Có kinh nghiệm làm việc 03 năm tại vị trí kinh doanh;

3. Trách nhiệm của tiểu ban Chính sách phát triển và từng thành viên:

a. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

c. Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

d. Tham mưu cho HĐQT trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;

e. Các chức năng, nhiệm vụ khác do HĐQT quy định.

Điều 49. Tiểu ban Nhân sự

1. Cơ cấu của Tiểu ban Nhân sự: Tiểu ban Nhân sự Công ty gồm ba (03) thành viên do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Nhân sự có thành viên là thành viên độc lập HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT).

2. Tiêu chuẩn thành viên của Tiểu ban Nhân sự, Trưởng tiểu ban:

a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;

b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật như luật Lao động, luật Thuế Thu nhập cá nhân, luật Bảo hiểm y tế, luật Bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan;

d. Các thành viên của tiểu ban phải có trình độ chuyên môn về nhân sự, hiểu biết về đặc điểm nhân sự của công ty;

e. Có kinh nghiệm 03 năm làm việc về tổ chức nhân sự hoặc vị trí tương đương.

3. Trách nhiệm của Tiểu ban Nhân sự và từng thành viên

a. Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty;

b. Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu HĐQT, những người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty;

c. Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

e. Các chức năng, nhiệm vụ khác do HĐQT quy định.

Điều 50. Tiểu ban Lương thưởng

1. Cơ cấu của Tiểu ban Lương thưởng: Tiểu ban Lương thưởng Công ty gồm ba (03) thành viên do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Lương thưởng có thành viên là thành viên độc lập HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT).

2. Tiêu chuẩn thành viên của Tiểu ban Lương thưởng, trưởng tiểu ban:

a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;

b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;

d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về tình hình tài chính của công ty;

3. Trách nhiệm của Tiểu ban Lương thưởng và từng thành viên

a. Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;

b. Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, những người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến việc lương thưởng của các thành viên này;

c. Tham mưu cho HĐQT các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;

d. Các chức năng, nhiệm vụ khác do HĐQT quy định.

Điều 51. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

1. Cơ cấu, thành phần của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: Tiểu ban Kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ có thành viên là thành viên độc lập HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT).

2. Các tiêu chuẩn của thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, trưởng ban:

- a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;
- b. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
- c. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
- d. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
- e. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc có chứng chỉ về kiểm toán nội bộ do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kiểm toán nội bộ cấp;
- f. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm công tác;
- g. Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải là thành viên độc lập HĐQT;

3. Quyền và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

a. Quyền của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

- Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược;
- Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
- Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
- Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
- Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo Phòng ban, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
- Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/Phòng ban được kiểm toán;
- Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.

b. Trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;

- Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận trong Công ty;

- Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

4. Nhiệm vụ của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại Công ty trình cấp quản lý trực tiếp Trưởng kiểm toán nội bộ xem xét, phê duyệt;

b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;

c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;

d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của HĐQT;

e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;

f. Lập báo cáo kiểm toán;

g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;

h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của Công ty;

i. Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;

j. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ để HĐQT xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

k. Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;

l. Thực hiện các nhiệm vụ khác HĐQT giao hoặc theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 52. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;

e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

g. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 53. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc:

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

a. HĐQT Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b. Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là ba (03) năm và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 54. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Thâm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định của pháp luật về Điều lệ Công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 52 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 57. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 58. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 59. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 60. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 61. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 62. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng giám đốc.

Điều 63. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình đề HĐQT thông qua;
 - c. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

b. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 64. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và HĐQT: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 65. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 66. Khen thưởng

1. HĐQT chỉ đạo xây dựng hệ thống khen thưởng của Công ty. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 65 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 67. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM,

MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thêm 01 Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 71. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 74. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 74 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao Quy chế về quản trị công ty có chữ ký của Chủ tịch HĐQT có giá trị như bản chính.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG NĂM 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng ngày 24/4/2018.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 với các nội dung sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

Chỉ tiêu	KH 2017	Thực hiện	So với KH
Giá trị SX thực tế	3.750 tỷ đồng	3.697 tỷ đồng	99 %
Tổng doanh thu	3.793 tỷ đồng	3.831 tỷ đồng	101 %
Lợi nhuận trước thuế	541 tỷ đồng	207,7 tỷ đồng	38,5 %

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	So TH năm 2017
Giá trị sản xuất thực tế	4.505 tỷ đồng	122 %
Tổng doanh thu	4.592 tỷ đồng	120 %
Lợi nhuận trước thuế	205.6 tỷ đồng	99%

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán:

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.



Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 với các nội dung sau:

Đại hội nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017; Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 8% còn lại theo quy định hiện hành.

Stt	Nội dung	Số tiền
1	Số dư lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 chuyển sang	35.115.512.059
2	Lợi nhuận phát sinh năm 2017	207.723.322.381
	Thuế TNDN	41.691.606.243
	Lợi nhuận sau thuế	166.031.716.138
3	Phân phối lợi nhuận năm 2017	
	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	24.904.757.421
	- Quỹ khen thưởng (4%)	6.641.268.646
	- Quỹ phúc lợi (3%)	4.980.731.354
	- Quỹ thưởng ban điều hành	291.700.000
	Cộng	36.818.457.421
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	- Năm 2016	35.115.512.059
	- Năm 2017	129.213.258.717
	Cộng	164.328.770.776
5	Vốn điều lệ	1.187.926.050.000
	Số cổ phần	118.792.605
6	Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận 2017 như sau:	
	Chia cổ tức bằng tiền mặt 13%	154.430.386.500
	- Đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 5%	59.396.302.500
	- Số cổ tức còn phải chia bằng tiền mặt 8%	95.034.084.000
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển năm sau:	9.898.384.276

Điều 4. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018.

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2018 và thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức cho các cổ đông phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Điều 5. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đại hội nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch định hướng năm 2018

Điều 6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:

Đại hội nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

Đại hội nhất trí thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, địa chỉ: Lô 78-80 đường 30/4, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và thực hiện các yêu cầu khác của Ban kiểm soát.

Điều 8. Thông qua mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2018 với các nội dung sau:

- Chủ tịch HĐQT:	7,500,000 đồng/tháng;
- Thành viên HĐQT:	6,500,000 đồng/người/tháng;
- Thư ký Công ty:	5,500,000 đồng/người/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát:	4,000,000 đồng/người/tháng.

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung toàn văn Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng

1. Đại hội nhất trí Thông qua sửa đổi bổ sung toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng gồm 21 Chương, 57 Điều.

2. Đại hội nhất trí Thông qua sửa đổi bổ sung toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng gồm 11 Chương, 73 Điều

Điều 10. Thi hành Nghị quyết

Đại hội nhất trí % thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng năm 2018;

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng có trách nhiệm tổ chức và triển khai các nội dung Nghị quyết này./.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phan Văn Tiên

